

QUYẾT ĐỊNH
Công nhận tốt nghiệp và cấp bằng đại học hệ chính quy

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC NHA TRANG

Căn cứ Quyết định số 155/CP ngày 16/8/1966 của Hội đồng Chính phủ v/v thành lập và qui định nhiệm vụ, quyền hạn của Trường Thiệu sản nay là Trường Đại học Nha Trang;

Căn cứ Quyết định số 527/QĐ-ĐHNT ngày 12/6/2017 của Hiệu trưởng Trường Đại học Nha Trang về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Nha Trang;

Căn cứ Luật giáo dục đại học số 08/2012/QH13; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật giáo dục đại học số 34/2018/QH14;

Căn cứ Nghị định 99/2019/NĐ-CP ngày 30/12/2019 của Chính phủ về việc Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học;

Căn cứ Quyết định số 623/QĐ-ĐHNT ngày 05/09/2017 về việc ban hành Quy định đào tạo đại học và cao đẳng của Trường Đại học Nha Trang;

Căn cứ kết quả học tập của sinh viên các lớp đào tạo tại Trường Đại học Nha Trang;

Theo đề nghị của Ông Giám đốc Trung tâm Đào tạo và Bồi dưỡng.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận tốt nghiệp và cấp bằng đại học hệ chính quy cho 70 sinh viên các ngành, vì đã hoàn thành chương trình đào tạo theo Quy chế (có tên trong danh sách kèm theo).

TT	Ngành tốt nghiệp	Số lượng
1	Kế toán	10
2	Kỹ thuật xây dựng	08
3	Ngôn ngữ Anh	50
4	Nuôi trồng thủy sản	01
5	Quản trị kinh doanh	01
Tổng cộng		70

Điều 2. Trường các đơn vị có liên quan và các sinh viên có tên trong danh sách chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Lưu VT, ĐTBĐ.





DANH SÁCH TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC HỆ CHÍNH QUY

(Theo Quyết định số: 1326 /QĐ-ĐHNT ngày 30 tháng 10 năm 2020)

1) Kế toán

TT	MSSV	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Xếp loại	Lớp
1	NT16B2453	Nguyễn Thị Ngọc	Diệp	24/09/1992	Khánh Hòa	Khá	NT16B2DN1
2	NT16DN0112	Nguyễn Thị Lan	Hương	18/02/1994	Hà Tĩnh	TB Khá	NT16CDN1
3	15DN0308	Bùi Thị Thùy	Dương	29/12/1993	Ninh Thuận	Trung bình	NT15TDN1
4	15DN0351	Trần Thị Hà	Trang	01/09/1992	Khánh Hòa	TB Khá	NT15TDN1
5	15DN0195	Đặng Anh	Tú	31/01/1989	Khánh Hòa	TB Khá	NT15TDN1
6	NT15DN3016	Nguyễn Thị Mỹ	Ly	08/09/1991	Khánh Hòa	TB Khá	NT15TDN2
7	16DN0718	Nguyễn Thị Kiều	Ngân	16/09/1993	Khánh Hòa	TB Khá	NT16TDN2
8	16DN0719	Nguyễn Thảo	Nguyên	25/12/1994	Khánh Hòa	TB Khá	NT16TDN2
9	16DN0733	Nguyễn Thùy	Uyên	18/06/1993	Khánh Hòa	TB Khá	NT16TDN2
10	17DN0235	Phan Thành	Phát	04/09/1995	TP. HCM	TB Khá	QN17TDN

Danh sách gồm 10 sinh viên.

2) Kỹ thuật xây dựng

TT	MSSV	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Xếp loại	Lớp
1	NT15XD0256	Hồ Hải	Đặng	04/06/1986	Khánh Hòa	TB Khá	NT15TXD
2	17XD0101	Hồ Quốc	Ca	08/04/1995	Khánh Hòa	TB Khá	NT17TXD
3	17XD0105	Trần Hoàng	Hải	17/02/1990	Khánh Hòa	Trung bình	NT17TXD
4	17XD0111	Ngô Minh	Nhật	09/06/1991	Quảng Ngãi	TB Khá	NT17TXD
5	17XD0112	Nguyễn Văn	Quý	25/11/1994	Phú Yên	TB Khá	NT17TXD
6	17XD0115	Phạm Mai	Thy	01/12/1977	Ninh Thuận	TB Khá	NT17TXD
7	17XD0118	Nguyễn Văn	Trọng	14/03/1995	Ninh Thuận	TB Khá	NT17TXD
8	17XD0120	Nguyễn Văn	Vũ	26/05/1993	Phú Yên	TB Khá	NT17TXD

Danh sách gồm 08 sinh viên.

3) Ngôn ngữ Anh

TT	MSSV	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Xếp loại	Lớp
1	17TA0023	Nguyễn Đình	Chiều	28/09/1985	Thái Bình	Khá	NT17B2TA
2	17TA0033	Nguyễn Thúy	Oanh	13/09/1994	Khánh Hòa	Khá	NT17B2TA
3	NT16B20116	Huỳnh Hoàng	Phúc	11/11/1993	Khánh Hòa	Khá	NT17B2TA
4	17TA0093	Nguyễn Thị Thương	Thương	20/10/1988	Khánh Hòa	TB Khá	NT17B2TA
5	18TA3004	Nguyễn Công	Bính	08/10/1978	Bắc Ninh	Khá	LD18B2TA
6	18TA3022	Trần Thị Khánh	Chi	20/02/1988	Lâm Đồng	Giỏi	LD18B2TA
7	18TA3032	Lê Thị Bích	Chi	20/09/1982	Bình Định	Giỏi	LD18B2TA
8	18TA3033	Đỗ Mạnh	Cường	29/10/1990	Lâm Đồng	Khá	LD18B2TA
9	18TA3034	Hà Thị	Dịu	27/05/1989	Thanh Hoá	Khá	LD18B2TA
10	18TA3008	Nguyễn Văn	Dũng	02/02/1979	Quảng Nam	Khá	LD18B2TA

9/11

TT	MSSV	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Xếp loại	Lớp
11	18TA3011	Nguyễn Văn	Dũng	05/11/1992	Hải Dương	Khá	LD18B2TA
12	18TA3012	Tổng Thị Hương	Giang	23/12/1983	Ninh Bình	Khá	LD18B2TA
13	18TA3021	Nguyễn Thị Phương	Hà	26/01/1985	Lâm Đồng	Khá	LD18B2TA
14	18TA3035	Nguyễn Thị Thanh	Hà	06/09/1981	Lâm Đồng	Khá	LD18B2TA
15	18TA3024	Nguyễn	Hải	11/06/1983	Bình Thuận	Khá	LD18B2TA
16	18TA3036	Nguyễn Bá	Hải	07/02/1991	Hưng Yên	Khá	LD18B2TA
17	18TA3037	Lê Thị Thu	Hiền	30/12/1986	Nam Định	Khá	LD18B2TA
18	18TA3038	Hoàng Xuân	Hiền	26/10/1983	Hưng Yên	Khá	LD18B2TA
19	18TA3039	Nguyễn Thị Thu	Hoài	29/12/1987	Hưng Yên	Khá	LD18B2TA
20	18TA3018	Nguyễn Văn	Hùng	05/10/1984	Ninh Bình	TB Khá	LD18B2TA
21	18TA3010	Trần Ngọc	Kiên	01/11/1983	Bình Định	Khá	LD18B2TA
22	18TA3001	Lê Thị	Lài	15/05/1985	Nghệ An	Khá	LD18B2TA
23	18TA3005	Nguyễn Hữu	Lịch	02/01/1977	Nghệ An	Khá	LD18B2TA
24	18TA3051	Võ Thị Thanh	Linh	12/07/1987	Quảng Trị	TB Khá	LD18B2TA
25	18TA3040	Vũ Quốc	Luận	06/08/1977	Lâm Đồng	Khá	LD18B2TA
26	18TA3041	Nguyễn Thị	Lựu	10/11/1985	Nghệ An	Khá	LD18B2TA
27	18TA3042	Nguyễn Thanh	Nguyên	19/09/1981	Lâm Đồng	Khá	LD18B2TA
28	18TA3043	Đặng Thị Tuyết	Nhung	06/06/1994	Lâm Đồng	Khá	LD18B2TA
29	18TA3044	Nguyễn Tiến	Phú	16/01/1982	Hà Nội	TB Khá	LD18B2TA
30	18TA3006	Trần Vĩnh	Phúc	25/10/1982	Lâm Đồng	Giỏi	LD18B2TA
31	18TA3017	Đinh Thị Hoàng	Phương	08/10/1983	Lâm Đồng	Khá	LD18B2TA
32	18TA3023	Đặng Hiền	Phương	17/01/1983	Hà Nội	Giỏi	LD18B2TA
33	18TA3007	Vũ Thị Thanh	Quý	26/07/1983	Lâm Đồng	Khá	LD18B2TA
34	18TA3027	Nguyễn Thị Thu	Sinh	25/01/1979	Nghệ An	Khá	LD18B2TA
35	18TA3045	Trần Thế	Son	01/02/1985	Thanh Hoá	Khá	LD18B2TA
36	18TA3013	Đàm Thị	Thắm	23/03/1975	Thái Bình	Khá	LD18B2TA
37	18TA3046	Phạm Đức	Thanh	19/12/1988	Thái Bình	TB Khá	LD18B2TA
38	18TA3047	Lê Vũ Phương	Thảo	12/11/1979	Lâm Đồng	Giỏi	LD18B2TA
39	18TA3014	Nguyễn Thị	Thúy	10/06/1987	Lâm Đồng	Khá	LD18B2TA
40	18TA3048	Phan Thị	Thuý	27/07/1981	Hà Tĩnh	Khá	LD18B2TA
41	18TA3020	Đỗ Việt	Tiến	08/11/1991	Lâm Đồng	TB Khá	LD18B2TA
42	18TA3019	Đặng Thị Thu	Trang	02/02/1978	Thừa Thiên Huế	Khá	LD18B2TA
43	18TA3026	Hà Thị Huyền	Trang	21/09/1982	Bắc Giang	TB Khá	LD18B2TA
44	18TA3016	Nguyễn Thị Tuyết	Trinh	11/03/1979	Ninh Thuận	Khá	LD18B2TA
45	18TA3049	Lưu Thế	Trung	18/03/1979	Lai Châu	Khá	LD18B2TA

gđ

TT	MSSV	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Xếp loại	Lớp
46	18TA3029	Trương Vũ Tuấn	Tú	26/07/1973	Lâm Đồng	Khá	LD18B2TA
47	18TA3050	Nguyễn Duy	Tùng	10/05/1985	Hải Dương	Khá	LD18B2TA
48	18TA3002	Nguyễn Đức	Văn	26/10/1982	Hà Nam	Khá	LD18B2TA
49	18TA3028	Trần Thị Thanh	Xuân	09/08/1982	Lâm Đồng	Giỏi	LD18B2TA
50	18TA3003	Nguyễn Trọng	Đạt	01/05/1990	Thanh Hóa	Khá	LD18B2TA

Danh sách gồm 50 sinh viên.

4) Nuôi trồng thủy sản

TT	MSSV	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Xếp loại	Lớp
1	17NT0108	Đặng Quốc	Huy	16/03/1997	Phú Thọ	TB Khá	BN17NT

Danh sách gồm 01 sinh viên.

5) Quản trị kinh doanh

TT	MSSV	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Xếp loại	Lớp
1	20150120	Nguyễn Văn	Khiêm	24/03/1991	Khánh Hòa	TB Khá	NT15B2QT1

Danh sách gồm 01 sinh viên.

